

Bản án số: 89/2017/DS-ST
Ngày: 26/9/2017
V/v tranh chấp hợp
đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Trọng Hưng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Thị Nguyên**.
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Oanh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Kim Tuyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Hải** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 288/2016/TLST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2016 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2017/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 225/2017/QĐST-DS ngày 31/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Duy T**; sinh năm: 1983. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Tân Phước, đường Tân Phước, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Bà **Thái Thị L**; sinh năm: 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ: Nhà trọ kế nhà số E12/339 ấp 5, xã Đ, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Duy T trình bày: Vào ngày 06/5/2015 ông Phạm Duy T có cho bà Thái Thị L mượn số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) để làm ăn buôn bán, việc vay mượn tiền đã được công chứng tại Phòng Công chứng C, số 16 đường Nguyễn Thái Bình, ấp Hòa Thuận 1, xã Trường Bình, huyện C, tỉnh Long An. Thời hạn cho vay là 03 tháng tính từ ngày 06/5/2015 đến ngày 06/8/2015 với lãi suất vay thỏa thuận là 1,1%/tháng. Đến thời hạn trả tiền vay thì bà L đã không trả tiền cho ông T như trong hợp đồng đã ký, sau đó bà L hứa trả tiền nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện. Do đó vào ngày 23/6/2016 ông Phạm Duy T đã làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Thái Thị L phải trả tiền nợ gốc và tiền nợ lãi tổng cộng là 45.720.000 đồng (bốn mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Duy T chỉ yêu cầu bà Thái Thị L trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và không yêu cầu bà L phải trả tiền nợ lãi. Ông T yêu cầu bà L trả tiền một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông T xác nhận số tiền ông T cho bà L vay là tài sản riêng của ông T, không phải là tài sản chung của vợ chồng ông T. Ông T chỉ khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền mà không yêu cầu ai khác cùng có trách nhiệm trả tiền. Ngoài ra ông T không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai và tại biên bản hòa giải ngày 05/6/2017 thì bị đơn bà Thái Thị L trình bày: Vào ngày 06/5/2015 tại Phòng công chứng C, địa chỉ số 16 đường Nguyễn Thái Bình, ấp Hòa Thuận 1, xã Trường Bình, huyện C, tỉnh Long An thì bà Thái Thị L có mượn của ông Phạm Duy T số tiền 40.000.00 đồng. Sau khi mượn tiền bà L đã trả lãi cho ông T được năm tháng tiền lãi, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng tiền lãi. Đối với việc ông T khởi kiện yêu cầu bà L trả số tiền gốc là 40.000.000 đồng và yêu cầu trả số tiền lãi là 10.000.000 đồng thì bà L cũng đồng ý trả cho ông T 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên do hoàn cảnh kinh tế hiện nay đang khó khăn nên bà L yêu cầu được trả số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) theo phương thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Phạm Duy T khởi kiện yêu cầu bà Thái Thị L trả lại số tiền vay là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn bà Thái Thị L cư trú tại huyện Bình Chánh, căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời bà Thái Thị L đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng bà L vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà L theo quy định tại điểm điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại bản tự khai ghi ngày 28/9/2016 thì bà Võ Thị L là vợ ông Phạm Duy T xác nhận số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) mà ông T cho bà L vay là tài sản riêng của ông T, không phải là tài sản chung của ông T và bà L. Do đó Hội đồng xét xử không đưa bà Võ Thị L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Bà Thái Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên bà L đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Bà Thái Thị L phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của ông Phạm Duy T và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ vào “Hợp đồng vay tiền” ghi ngày 06/5/2015 được công chứng viên Phòng Công chứng C, số 16 đường Nguyễn Thái Bình, ấp Hòa Thuận 1, xã Trường Bình, huyện C, tỉnh Long An chứng nhận ngày 06/5/2015 và căn cứ vào lời khai ngày 05/6/2017 của bà Thái Thị L thì có cơ sở xác định vào ngày 06/5/2015 ông T có cho bà L vay 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng và thỏa thuận về lãi suất là 1,1%/tháng.

[6] Như vậy hợp đồng vay giữa các bên được xác định là loại hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi suất. Do là hợp đồng vay có kỳ hạn, nên theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005, ông T có quyền yêu cầu bà L trả nợ khi đã quá hạn trả nợ mà hai bên thỏa thuận.

[7] Tại buổi hòa giải ngày 05/6/2017 thì ông Phạm Duy T và bà Thái Thị L đều thống nhất về việc bà Thái Thị L còn nợ ông Phạm Duy T là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Do ông T và bà L đều thống nhất được số tiền nợ gốc mà bà L còn nợ ông T là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Tại phiên tòa, ông Phạm Duy T chỉ yêu cầu bà Thái Thị L trả số tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) và không yêu cầu trả tiền nợ lãi, xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Đối với việc bà Thái Thị L yêu cầu được trả dần số tiền nợ theo phương thức mỗi tháng trả 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) là nhằm mục đích kéo dài thời hạn trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Phạm Duy T nên yêu cầu này của bà L không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Căn cứ vào “Hợp đồng vay tiền” ghi ngày 06/5/2015 được công chứng viên Phòng Công chứng C, số 16 đường Nguyễn Thái Bình, ấp Hòa Thuận 1, xã Trường Bình, huyện C, tỉnh Long An chứng nhận ngày 06/5/2015; căn cứ vào những nhận tại [1], [2], [3], [4], [5], [6], [7], [8], [9], Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy T, buộc bà Thái Thị L trả cho ông Phạm Duy T số tiền 40.000. 000 đồng (bốn mươi triệu đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[11] Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bà Thái Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự 2005.

[12] Về án phí: Do yêu cầu của ông Phạm Duy T được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Thái Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 305, Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Duy T đối với bà Thái Thị L.

Buộc bà Thái Thị L phải trả cho ông Phạm Duy T số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), trả một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền. Trường hợp bà Thái Thị L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 305 Bộ luật dân sự 2005.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1 Bà Thái Thị L phải chịu 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2.2 Ông Phạm Duy T được nhận lại số tiền 1.143.000 đồng (một triệu một trăm bốn mươi ba ngàn đồng) mà ông T đã đóng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2016/0020307 ngày 05/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

3/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trọng Hưng